

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN THANH THỦY

**CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHI TIÊU CỦA HỘ
GIA ĐÌNH CHO GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON TẠI
VIỆT NAM: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP MỘT SỐ
TỈNH PHÍA BẮC**

Ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 9.31.01.05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội – Năm 2023

Công trình được hoàn thành tại
Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Công Giáp

Phản biện 1:
.....

Phản biện 2
.....

Phản biện 3:
.....
(Ghi rõ họ tên, chức danh khoa học, học vị)

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Viện họp tại **Viện**
Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
Vào hồigiờ ... ngày ... tháng... năm 202...

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:
Thư viện Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
Thư viện Quốc Gia, Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Quan điểm chỉ đạo của Chính phủ Việt Nam cho rằng “Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng ban đầu cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ của trẻ em Việt Nam. Việc chăm lo phát triển giáo dục mầm non là trách nhiệm chung của các cấp chính quyền, của mỗi ngành, mỗi gia đình và toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước... Việc chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non phải được thực hiện với sự phối hợp, gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội” (Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg). Theo các chuyên gia nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục sớm, việc chỉ tiêu cho giáo dục trẻ trong độ tuổi mầm non đúng phương pháp, đúng thời điểm sẽ khiến trẻ phát triển toàn diện cả về thể chất, trí tuệ và tâm hồn; sẵn sàng tâm thế cho các giai đoạn học tập suốt đời và dễ dàng thích nghi với xã hội hơn so với những trẻ không may mắn lớn lên trong một môi trường bất lợi về kinh tế và giáo dục (theo Robert Lynch và Kavya Vaghul, 2015). Điều đó cho thấy rằng, việc chỉ tiêu giáo dục cho trẻ ngay từ khi còn nhỏ là vô cùng cần thiết.

Gia đình là một chủ thể đóng vai trò quan trọng trong việc chỉ tiêu giáo dục trẻ em. Đối với mỗi gia đình tại Việt Nam hiện nay, việc chỉ tiêu giáo dục cho con cái được đặc biệt quan tâm do quy mô hộ gia đình nhỏ, nhận thức về lợi ích của giáo dục rõ ràng hơn, điều kiện kinh tế - xã hội cũng được cải thiện hơn so với trước đây. Tuy nhiên, chỉ tiêu giáo dục là một phương thức chỉ tiêu đặc biệt mà ở đó, các bậc cha mẹ không tìm kiếm lợi nhuận từ khoản chi tiêu này mà họ theo đuổi mục tiêu lâu dài là sự phát triển toàn diện của con cái mình.

Cho đến nay, các vấn đề liên quan đến chỉ tiêu giáo dục của hộ gia đình được các nhà nghiên cứu quan tâm dưới nhiều góc độ khác nhau. Đó là những nghiên cứu phân tích lợi ích về chỉ tiêu giáo dục (Josh Biven và cộng sự 2016), về thực trạng chỉ tiêu giáo dục ở các gia đình khác nhau (Sabino Kornrich và Frank Furstenberg, 2013), về cách thức hoặc động cơ chỉ tiêu giáo dục của các gia đình (Oleg Oberemko, 2006)... Bên cạnh đó, cũng có một số nghiên cứu nhằm phát hiện ra các yếu tố tác động đến quyết định chỉ tiêu giáo dục của các hộ gia đình (Rizk và Abou, 2016; Megumi Omori, 2010...). Nhìn chung, mức độ và cách thức chỉ tiêu giáo dục khác nhau của các gia đình sẽ dẫn đến hiệu quả khác nhau đối với nhận thức và sự phát triển của trẻ. Ngoài ra, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng nhiều yếu tố có thể tác động đến quyết định chỉ tiêu giáo dục của hộ gia đình và mức độ tác động của các yếu tố này là không giống nhau ở các bối cảnh nghiên cứu khác nhau.

Vì vậy, trên cơ sở các nghiên cứu trước đây và tình hình thực tiễn tại Việt Nam, tác giả đã lựa chọn vấn đề “*Các yếu tố tác động đến chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp một số tỉnh phía Bắc*” là đề tài nghiên cứu của luận án.

2. Những điểm mới của luận án

2.1. Về lý luận

Luận án tập trung vào việc nghiên cứu các yếu tố tác động đến chi tiêu của HGD cho giáo dục trẻ mầm non – là nhóm đối tượng chưa được nghiên cứu đầy đủ trong các công trình trước đây. Thông qua đó, luận án sẽ đóng góp vào việc phát triển lý thuyết về chi tiêu của HGD cho giáo dục trong những năm đầu đời của trẻ, góp phần mở rộng hiểu biết về vấn đề này.

Luận án mở rộng nội dung nghiên cứu bằng cách xem xét cả nhóm yếu tố tác động đến ý định chi tiêu và hành vi chi tiêu của HGD cho giáo dục trẻ mầm non. Bằng cách này, luận án phát hiện và đánh giá được những yếu tố tác động trực tiếp đến hành vi chi tiêu và những yếu tố tác động gián tiếp thông qua ý định chi tiêu của HGD cho giáo dục trẻ mầm non. Việc xem xét đồng thời cả hai khía cạnh này sẽ tăng cường hiểu biết về quá trình ra quyết định chi tiêu và các yếu tố ảnh hưởng đến nó.

Luận án đã xây dựng một mô hình mới để giải thích các yếu tố tác động đến ý định chi tiêu của HGD cho giáo dục trẻ mầm non bằng cách bổ sung thêm một yếu tố vào mô hình “Lý thuyết hành vi có kế hoạch” của Ajzen (1991). Mô hình lý thuyết này sẽ cung cấp một khung cơ bản để hiểu và phân tích ý định chi tiêu của HGD cho giáo dục một cách rõ ràng và mạch lạc.

2.2. Về thực tiễn

Thông qua nguồn dữ liệu thứ cấp (VHLSS) và dữ liệu sơ cấp (khảo sát trực tiếp HGD), luận án cung cấp những thông tin định tính và định lượng về mức chi tiêu và các yếu tố tác động đến chi tiêu của HGD cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam và điển hình tại một số tỉnh phía Bắc. Điều này giúp bổ sung vào khoảng trống nghiên cứu về chi tiêu của HGD cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam và các yếu tố tác động đến chi tiêu giáo dục ở khu vực này.

Luận án đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường chi tiêu của HGD cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam dựa trên những phân tích về thực trạng các yếu tố tác động đến ý định và hành vi chi tiêu cho giáo dục. Những giải pháp này hướng đến sự tham gia của nhà nước, gia đình và xã hội trong việc cải thiện chi tiêu cho giáo dục trẻ mầm non trong bối cảnh thực tế. Điều này sẽ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và cơ hội học tập của trẻ mầm non, đồng thời đảm bảo sự công bằng và bền vững trong hệ thống giáo dục mầm non tại Việt Nam.

3. Kết cấu nội dung luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung luận án bao gồm 4 chương, cụ thể như sau:

Chương 1. Trình bày về tổng quan các công trình và hướng nghiên cứu của luận án.

Chương 2. Trình bày cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về các yếu tố tác động đến chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

Chương 3. Trình bày thực trạng các yếu tố tác động đến chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam

Chương 4. Trình bày một số giải pháp hướng đến các yếu tố tác động nhằm tăng chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan các công trình và khoảng trống nghiên cứu

Về nội dung, các nghiên cứu về các yếu tố tác động đến chỉ tiêu giáo dục cho trẻ trong độ tuổi mầm non của các hộ gia đình cho thấy rằng các hộ gia đình luôn coi chỉ tiêu cho giáo dục là chìa khóa để giúp con cái mình có nhiều cơ hội tốt đẹp hơn trong tương lai. Các yếu tố tác động đến chỉ tiêu giáo dục của các HGD tại Việt Nam cũng có điểm tương tự so với các nghiên cứu trên thế giới như: Khu vực sinh sống (Rizk và Abou-Ali, 2016; Aysit Tansel và Fatma Bircan, 2006; Khổng Tiến Dũng và Phạm Lê Thông, 2014...); dân tộc, chủng tộc (Megumi Omori 2010; Mauldin và cộng sự, 2011; Hoàng Thanh Nghị, 2020...); giới tính chủ hộ (Hoàng Thanh Nghị, 2020); tình trạng kinh tế - xã hội của hộ gia đình (Gustafsson và Li, 2004; Paviot và cộng sự, 2008; Huy, 2012...); quy mô hộ gia đình (Edna, 2017; Hai-Anh Dang và Halsey Rogers, 2013...); trình độ học vấn của cha mẹ (Tilak, 2002; Phạm Hương Trà, 2008...); độ tuổi chủ hộ (Sandra J. Huston, 1995; Mauldin và cộng sự, 2011; Khổng Tiến Dũng và Phạm Lê Thông, 2014...); nghề nghiệp của cha mẹ (Rizk và Abou-Ali, 2016; Reham Rizk, John Owusu – Afrlyle, 2014...); các biến cố của gia đình (Sowmya Dhanaraj và cộng sự, 2018; Peter J. Glick và cộng sự, 2014...); giới tính của trẻ (Wikan, 2008; Edna, 2017; Lê Thúy Hằng, 2006...)

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu, một số khoảng trống nghiên cứu có thể được rút ra như sau: 1) Các nghiên cứu về chỉ tiêu giáo dục và các yếu tố tác động đến chỉ tiêu giáo dục của HGD thường sử dụng bộ số liệu điều tra mức sống dân cư nhưng các bộ dữ liệu này không cung cấp được các thông tin định tính về HGD – có thể là các yếu tố sẽ tác động đến chỉ tiêu giáo dục; 2) Chưa có công trình nghiên cứu riêng về chỉ tiêu cho giáo dục trẻ mầm non; 3) Chưa có nghiên cứu nào đề cập một cách toàn diện đến cả nhóm yếu tố tác động đến ý định chỉ tiêu giáo dục và nhóm yếu tố tác động đến hành vi chỉ tiêu giáo dục của HGD; 4) Các nghiên cứu diễn ra trong các quốc gia, khu vực khác nhau nên các bối cảnh và chính sách giáo dục cũng khác nhau. Chính vì vậy, hướng nghiên cứu của luận án tập trung vào vấn đề “Các yếu tố tác động đến chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp một số tỉnh phía Bắc” trên cơ sở sử dụng kết hợp bộ số liệu VHLSS qua các năm 2016, 2018, 2020 và số liệu khảo sát để đánh giá về các yếu tố tác động đến ý định chỉ tiêu và hành vi chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non và mối liên hệ giữa chúng.

1.2. Mục tiêu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

1.2.1. Mục tiêu nghiên cứu

1.2.1.1. Mục tiêu tổng quát

Thông qua việc hệ thống hoá cơ sở lý luận liên quan, luận án lựa chọn mô hình nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng và mức độ tác động của các yếu tố đến chỉ tiêu giáo dục cho trẻ mầm non của các hộ gia đình tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, luận án

đề xuất những nhóm giải pháp hướng tới các yếu tố tác động nhằm tăng chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam.

1.2.1.2. Mục tiêu cụ thể

- 1) Hệ thống hoá một số vấn đề về lý luận và kinh nghiệm quốc tế về các yếu tố tác động đến chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non.
- 2) Đánh giá thực trạng và mức độ tác động của các yếu tố đến chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam trên hai khía cạnh là ý định chỉ tiêu và hành vi chỉ tiêu.
- 3) Đề xuất một số giải pháp hướng đến các yếu tố tác động nhằm khuyến khích và nâng cao hiệu quả chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

1.2.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

1.2.2.1. Đối tượng nghiên cứu

Chỉ tiêu của hộ gia đình và các yếu tố tác động đến ý định và hành vi chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam.

1.2.2.2. Phạm vi nghiên cứu

1) Về mặt nội dung

Nghiên cứu về thực trạng chỉ tiêu của hộ gia đình và các yếu tố tác động tới chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam một cách đồng bộ từ nhóm các yếu tố tác động đến ý định chỉ tiêu và nhóm yếu tố tác động đến hành vi chỉ tiêu.

2) Về mặt không gian

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên dữ liệu của các hộ gia đình tại Việt Nam có con trong độ tuổi mầm non (từ 03 tháng đến 6 tuổi) tính đến thời điểm khảo sát. Bên cạnh đó, nghiên cứu thực hiện khảo sát điển hình ở 5 tỉnh/thành phố ở miền Bắc, gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Lạng Sơn, Nam Định, Thái Bình.

3) Về mặt thời gian

Nghiên cứu đánh giá thực trạng và mức độ tác động của các yếu tố đến chỉ tiêu giáo dục của hộ gia đình đối với trẻ trong độ tuổi mầm non tại Việt Nam vào năm 2020. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra hàm ý chính sách và khuyến nghị cho giai đoạn 2022-2030.

1.2.3. Câu hỏi nghiên cứu

- 1) Thực trạng chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non ở tại Việt Nam hiện nay như thế nào?
- 2) Các yếu tố nào tác động đến ý định chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam? Mức độ tác động của các yếu tố đó đến ý định chỉ tiêu giáo dục cho trẻ trong độ tuổi mầm non ra sao?
- 3) Các yếu tố nào tác động đến hành vi chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam? Mức độ tác động của các yếu tố đó đến hành vi chỉ tiêu giáo dục cho trẻ trong độ tuổi mầm non ra sao?
- 4) Có những giải pháp nào hướng đến các yếu tố tác động để tăng chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam?

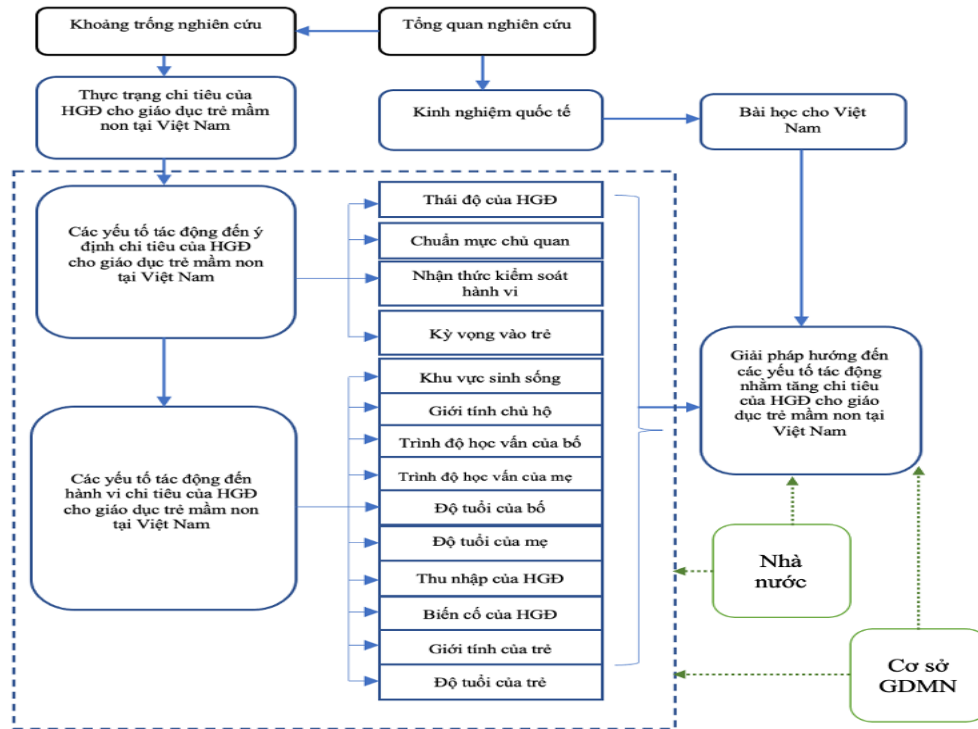
1.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

1.3.1. Cách tiếp cận và khung phân tích

1.3.1.1. Cách tiếp cận

- 1) Tiếp cận từ cơ sở lý luận, tổng quan nghiên cứu
- 2) Tiếp cận từ thực tiễn
- 3) Tiếp cận theo chủ thể

1.3.1.2. Khung phân tích vấn đề của luận án



(Nguồn: tác giả tự mô phỏng)

Hình 1. Khung phân tích vấn đề của luận án

1.3.2. Phương pháp nghiên cứu

1.3.2.1. Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp

Trong giai đoạn nghiên cứu lý luận, phương pháp nghiên cứu tài liệu như phân tích, so sánh, quy nạp, diễn dịch và tổng hợp được dùng để thu thập những dữ liệu thứ cấp.

Trong giai đoạn nghiên cứu thực tiễn, luận án sử dụng dữ liệu thu thập được từ Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam qua các năm 2016, 2018, 2020 do Tổng cục Thống kê thực hiện.

1.3.2.2. Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp thông qua điều tra

Thông tin sơ cấp được thu thập bằng phương pháp điều tra chọn mẫu.

Đối tượng điều tra là các hộ gia đình có con từ 0 đến 6 tuổi (tính đến thời điểm khảo sát). Cỡ mẫu tối thiểu theo lý thuyết là 385 quan sát. Cỡ mẫu thực tế nghiên cứu là 621 quan sát

1.3.2.3. Phương pháp phân tích thông tin, số liệu

- 1) Phương pháp thông kê mô tả và thống kê suy luận
- 2) Phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA)
- 3) Phương pháp ước lượng hồi quy tuyến tính bình phương nhỏ nhất (OLS)

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHI TIÊU CỦA HỘ GIA ĐÌNH CHO GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON

2.1. Cơ sở lý luận về chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

2.1.1. Một số khái niệm về chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

2.1.1.1. Trẻ mầm non

Trẻ mầm non là trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi, trước khi bước vào lớp 1.

2.1.1.2. Giáo dục mầm non

Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam, thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi. Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một” (Luật Giáo dục, 2019).

2.1.1.3. Chi tiêu giáo dục

Chi tiêu giáo dục là tổng nguồn lực tài chính được đưa vào trong lĩnh vực giáo dục dựa trên nhu cầu phát triển giáo dục nhằm mục đích nâng cao vốn con người với kỳ vọng thu được những lợi ích đối với bản thân người được chi tiêu, gia đình của họ và nền kinh tế, xã hội của quốc gia đó (Cận Hi Bân, 2001).

2.1.1.4. Chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

Chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non là số tiền mà các hộ gia đình chi tiêu cho việc học tập của con trong độ tuổi mầm non, bao gồm các khoản chi tiêu cho việc học tập trong trường mầm non và các khoản chi tiêu cho việc giáo dục ngoài nhà trường.

2.1.1.5. Ý định và hành vi chi tiêu giáo dục cho trẻ trong độ tuổi mầm non của hộ gia đình

1) Ý định chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non của các hộ gia đình

Ý định chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non phản ánh mức độ sẵn sàng, mong muốn, nỗ lực chi tiêu của hộ gia đình cho việc học hành của con cái họ trong độ tuổi mầm non.

2) Hành vi chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non của các hộ gia đình

Hành vi chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non là toàn bộ số tiền mà một hộ gia đình chi tiêu cho việc học tập của con cái trong một thời gian nhất định. Trong phạm vi nghiên cứu này, hành vi chi tiêu được hiểu là mức chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non được tính trong khoảng thời gian 1 năm, bao gồm các khoản chi tiêu trong nhà trường và ngoài nhà trường.

2.1.2. Vai trò của chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

- 1) Góp phần tăng cơ hội học tập tốt hơn cho trẻ
- 2) Góp phần giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước

2.1.3. Đặc điểm chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

- 1) Chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non là trách nhiệm của các gia đình

- 2) Chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non là một khoản đầu tư dài hạn
- 3) Chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non phụ thuộc vào cầu về giáo dục
- 4) Chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non bị ràng buộc bởi ngân sách của hộ gia đình

2.2. Cơ sở lý luận về các yếu tố tác động đến chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

2.2.1. Yếu tố tác động chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

2.2.1.1. Yếu tố tác động đến ý định chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

Yếu tố tác động đến ý định chi tiêu của HGD cho GDMN là những sự vật, hiện tượng có tác động đến mức độ sẵn sàng, mong muốn, nỗ lực chi tiêu của HGD cho việc học hành của con cái họ trong độ tuổi mầm non. Nó dựa trên thái độ về chi tiêu giáo dục, chuẩn mực chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi và kỳ vọng của HGD đối với giáo dục.

2.2.1.2. Yếu tố tác động đến hành vi chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

Yếu tố tác động đến hành vi chi tiêu của HGD cho GDMN là những sự vật, hiện tượng có tác động đến hành động thực sự của hộ gia đình trong việc sử dụng nguồn lực tài chính cho việc học hành của con cái trong độ tuổi mầm non. Nói cách khác, đó là những sự vật, hiện tượng, đặc điểm có thể tác động đến số tiền chi tiêu của HGD cho giáo dục trẻ mầm non.

2.2.1.3. Mối quan hệ giữa ý định chi tiêu và hành vi chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

Fishbein và Ajzen (1975) khẳng định rằng ý định sẽ cho biết một chủ thể sẽ nỗ lực như thế nào để thực hiện hành vi và sự sẵn sàng cố gắng để thực hiện hành vi đó. Như vậy, ý định của chủ thể càng mạnh mẽ thì xác suất thực hiện hành vi đó càng cao. Ajzen (1990) cũng cho rằng mối quan hệ này sẽ có ý nghĩa trong trường hợp chủ thể là người quyết định thực hiện hay không thực hiện hành vi đó (có quyền kiểm soát việc thực hiện hành vi theo ý muốn)

2.2.2. Vai trò của việc nghiên cứu yếu tố tác động đến chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

1) Nhận diện và đánh giá các yếu tố tác động

2) Đưa ra giải pháp hướng đến các yếu tố tác động nhằm khuyến khích chi tiêu giáo dục

2.2.3. Nội dung nghiên cứu về các yếu tố tác động đến chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

2.2.3.1. Nghiên cứu các yếu tố tác động đến ý định chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

1) Nghiên cứu về thực trạng các yếu tố tác động đến ý định chi tiêu giáo dục

2) Nghiên cứu về mức độ tác động của các yếu tố đến ý định chi tiêu giáo dục

2.2.3.2. Nghiên cứu về các yếu tố tác động đến hành vi chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

- 1) Nghiên cứu về thực trạng các yếu tố tác động đến hành vi chi tiêu cho giáo dục
- 2) Nghiên cứu về mức độ tác động của các yếu tố đến hành vi chi tiêu cho giáo dục

2.2.4. Vai trò của các chủ thể liên quan đến các yếu tố tác động đến chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

2.2.4.1. Nhà nước

Nhà nước có vai trò trong việc hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển giáo dục mầm non, từ đó tác động đến các yếu tố ý định chi tiêu của HGD như thái độ, nhận thức kiểm soát hành vi... Bên cạnh đó, nhà nước còn có vai trò khuyến khích, hỗ trợ các HGD nâng cao thu nhập để tăng khả năng chi trả cho giáo dục trẻ mầm non, đảm bảo sự công bằng về tiếp cận giáo dục giữa các địa phương và giữa các HGD có hoàn cảnh kinh tế - xã hội khác nhau.

2.2.4.2. Cơ sở giáo dục mầm non

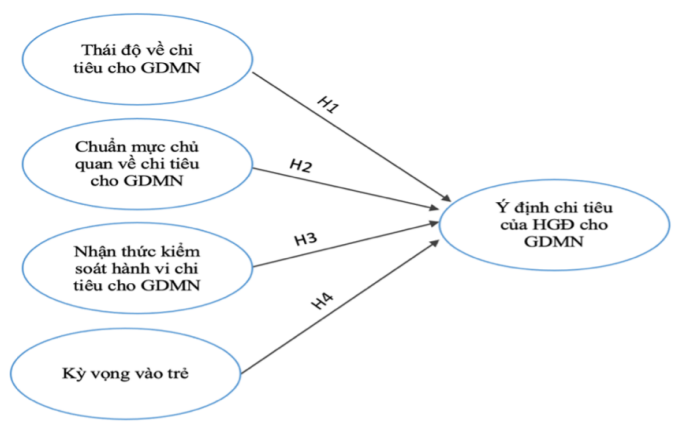
Các cơ sở giáo dục có vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục mầm non, cung cấp các chương trình giáo dục chính quy hoặc các chương trình ngoài giờ lên lớp đáp ứng nhu cầu của các HGD. Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với HGD trong việc nâng cao nhận thức về chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

2.2.4.3. Hộ gia đình

HGD đóng vai trò quan trọng trong việc chăm sóc và giáo dục con cái tại nhà, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để trẻ em đi đến trường mầm non theo đúng độ tuổi. HGD cũng có trách nhiệm phối hợp với nhà trường để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em tại trường.

2.3. Mô hình nghiên cứu về các yếu tố tác động đến chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

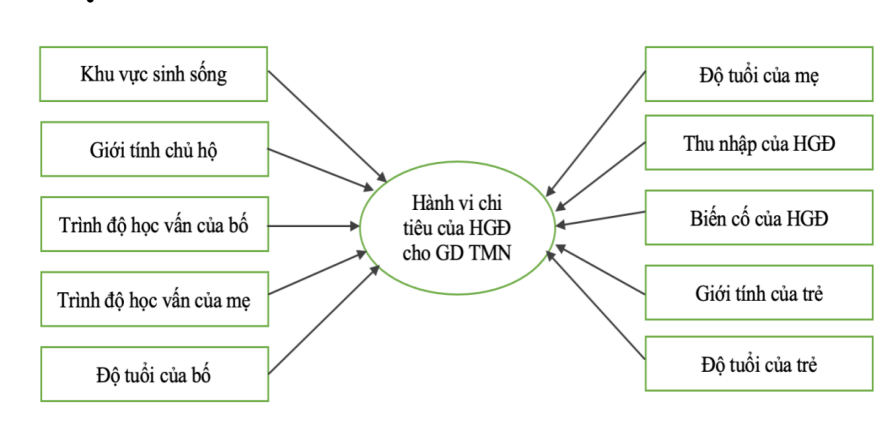
2.3.1. Mô hình nghiên cứu về các yếu tố tác động đến ý định chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non



(Nguồn: tác giả đề xuất)

Hình 2. Mô hình nghiên cứu về các yếu tố tác động đến ý định chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam

2.3.2. Mô hình nghiên cứu về các yếu tố tác động đến hành vi chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non



(Nguồn: tác giả đề xuất)

Hình 1. Mô hình nghiên cứu các yếu tố tác động đến hành vi chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam

2.4. Kinh nghiệm quốc tế hướng tới các yếu tố tác động để nâng cao mức chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

2.4.1. Kinh nghiệm Singapore

2.4.2. Kinh nghiệm Philippines

2.4.3. Kinh nghiệm Australia

2.4.4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Một là, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của đầu tư cho giáo dục nói chung và cho giáo dục trẻ mầm non nói riêng đối với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia, mang lại lợi ích kinh tế và phi kinh tế đối với bản thân người học và gia đình của họ. Từ đó, họ có động lực để chi tiêu nhiều hơn cho giáo dục trẻ mầm non.

Hai là, cung cấp các chương trình, dự án nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thái độ của các bậc cha mẹ trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non với nhiều hình thức đa dạng để có thể tiếp cận được đến nhiều HGD.

Ba là, huy động sự tham gia của nhiều chủ thể vào việc cung cấp các chương trình, dịch vụ giáo dục cho trẻ mầm non như các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các tổ chức phi lợi nhuận.

Bốn là, đa dạng hoá các chương trình chăm sóc trẻ em (chăm sóc cả ngày, nửa ngày hoặc tại gia đình) để khuyến khích sự phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ có con nhỏ tham gia vào thị trường lao động để tăng thu nhập cho gia đình.

Năm là, nhà nước có vai trò kiểm soát, đánh giá các trường mầm non và cung cấp thông tin tới các bậc phụ huynh để họ có thể lựa chọn cho con cái mình một ngôi trường phù hợp.

Sáu là, nhà nước cung cấp một số ưu đãi về thuế, phụ cấp, trợ cấp cho các gia đình có con nhỏ, đặc biệt là ở các gia đình có thu nhập trung bình và thấp để giúp họ có thêm chi phí để chăm sóc và giáo dục con cái. Bên cạnh đó, nhà nước hỗ trợ cho một số trường mầm non nhằm mang lại sự công bằng về cơ hội tiếp cận giáo dục cho tất cả các gia đình, đặc biệt là các HGD có thu nhập thấp.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHI TIÊU CỦA HỘ GIA ĐÌNH CHO GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON TẠI VIỆT NAM

3.1. Thực trạng chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam

3.1.1. Các đặc điểm của hộ gia đình có con trong độ tuổi mầm non

Với kết quả phân tích được từ dữ liệu VHLSS năm 2020 cho thấy các hộ gia đình có con trong độ tuổi mầm non có một số đặc điểm nổi bật như sau: i) Đa số các HGD có nam giới làm chủ hộ; ii) Chủ hộ có trình độ học vấn bậc THCS chiếm tỷ lệ nhiều nhất, tiếp đến là THPT. Trong khi đó, chủ hộ có trình độ học vấn đại học trở lên chỉ chiếm chưa đến 3%; iii) So với mức thu nhập bình quân đầu người của cả nước là 4,249 triệu đồng/tháng thì mức thu nhập bình quân đầu người của các HGD có con trong độ tuổi mầm non thấp hơn, đạt 3,490 triệu đồng/tháng, trong đó 75% số HGD thấp hơn mức trung bình của cả nước. Tuy nhiên, nếu xét trên phạm vi một số tỉnh phía Bắc trong mẫu nghiên cứu, mức thu nhập bình quân đầu người của các HGD có con trong độ tuổi mầm non cao hơn so với mức trung bình của các HGD trong cả nước, đạt 4,860 triệu đồng/tháng.

3.1.2. Đặc điểm về trẻ trong độ tuổi mầm non của các hộ gia đình

Số liệu về trẻ mầm non được nghiên cứu từ bộ dữ liệu VHLSS cho thấy, tỷ lệ trẻ mầm non ở khu vực nông thôn chiếm hơn 70%, ở thành thị chiếm gần 30%. Tỷ lệ các trẻ nam khoảng 52%, trẻ nữ khoảng 48%. Xét theo độ tuổi, tỷ lệ trẻ theo mỗi độ tuổi tương đối bằng nhau, khoảng từ 13-16%.

Với mẫu khảo sát có 727 trẻ mầm non, xét theo giới tính, có 405 trẻ giới tính nam (chiếm 55,7%) và 322 trẻ giới tính nữ (chiếm 44,3%). Xét theo khu vực sinh sống, các HGD có trẻ mầm non ở khu vực thành thị chiếm 66,9%, ở khu vực nông thôn chiếm 33,1%.

3.1.3. Mức chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức tổng chi tiêu giáo dục cho một trẻ học mầm non của các hộ gia đình trong mẫu khảo sát trung bình 11,45 triệu đồng/năm. Xét về cơ cấu, các hộ gia đình chi tiêu cho việc giáo dục trẻ trong nhà trường khoảng từ 5,75 đến 7,31 triệu đồng/năm. Trong đó, đa số các hộ gia đình có mức chi tiêu dưới 1 triệu đồng/tháng. Số tiền các hộ gia đình chi tiêu cho việc học thêm của trẻ mầm non trung bình từ 5,08 đến 6,39 triệu đồng/năm.

Trong khi đó, đối chiếu với kết quả phân tích thực trạng chi tiêu giáo dục cho trẻ trong độ tuổi mầm non của hộ gia đình tại Việt Nam được lấy từ bộ số liệu điều tra mức sống hộ gia đình (VHLSS) cho thấy trong giai đoạn 2016-2020, mức chi tiêu cho giáo dục trung bình của hộ gia đình cho mỗi trẻ mầm non có xu hướng tăng dần, năm 2020 tăng gần 64% so với năm 2016.

3.1.4. Năng lực chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

Nhìn chung, chi tiêu giáo dục cho trẻ trong độ tuổi mầm non không phải là một gánh nặng tài chính đối với đa số các hộ gia đình. Số liệu khảo sát cho thấy mức chi tiêu giáo dục cho một trẻ mầm non trung bình chiếm khoảng từ 5,46 đến 6,62% so với thu nhập của hộ gia đình, với độ tin cậy 95%. Nếu chỉ tính riêng

các khoản chi tiêu giáo dục trong trường học, tỷ lệ này còn thấp hơn, khoảng từ 3,02 đến 3,76%. Trong khi đó, các khoản chi tiêu cho giáo dục ngoài nhà trường của các hộ gia đình cho trẻ mầm non chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ, từ 1,07 đến 1,50%.

Đối chiếu với dữ liệu điều tra mức sống dân cư, kết quả phân tích cũng cho thấy một nhận xét tương tự. Mỗi hộ gia đình dành khoảng 2% thu nhập hàng năm để chi tiêu giáo dục cho trẻ trong độ tuổi mầm non.

3.2. Các yếu tố tác động đến ý định chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam

3.2.1. Thực trạng các yếu tố tác động đến ý định chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam

1) Thái độ của hộ gia đình về chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non

Kết quả nghiên cứu cho thấy các HGD đều đồng ý cho rằng “đầu tư giáo dục cho trẻ mầm non là một khoản đầu tư xứng đáng (từ 5,94 đến 6,10/7,00 điểm)

2) Chuẩn mực chủ quan đối với hộ gia đình về chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non

Kết quả cho thấy các yếu tố về văn hoá truyền thống của nơi sinh sống, của gia đình, hay các ý kiến tham khảo của những người thân quen và hành vi của họ đều ủng hộ các hộ gia đình trong vấn đề quyết định đầu tư giáo dục cho trẻ, với thang điểm đánh giá từ 6,23 đến 6,58/7,00 điểm.

3) Nhận thức kiểm soát hành vi của hộ gia đình về chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non

Kết quả khảo sát cho thấy các HGD tự cho rằng họ “có thể dễ dàng tìm hiểu những thông tin về các chương trình giáo dục dành cho trẻ mầm non” (6,07/7,00 điểm) và “có kiến thức về các giai đoạn phát triển tâm sinh lý, nhận thức của trẻ mầm non” (5,93/7,00 điểm). Tuy nhiên, việc gia đình có đủ nguồn lực tài chính để đầu tư giáo dục cho trẻ theo mong muốn của gia đình và việc có thể dễ dàng lựa chọn các trường học, môn học cho trẻ phù hợp với nhu cầu được đánh giá ở mức độ đồng ý thấp hơn, tương ứng ở mức 5,80/7,00 điểm và 5,75/7,00 điểm.

4) Kỳ vọng của hộ gia đình về chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non

Kết quả cho thấy các HGD được khảo sát đều rất kỳ vọng vào con cái của họ ngay từ khi còn nhỏ.

5) Ý định chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non

Kết quả nghiên cứu cho thấy các HGD được khảo sát cho rằng họ “luôn cố gắng để có thể chi tiêu giáo dục cho trẻ ngày càng tốt hơn” (6,54/7,00 điểm). Bên cạnh đó, các hộ gia đình “sẵn sàng dành tiền bạc để chi tiêu giáo dục cho trẻ ở trường” (6,29/7,00 điểm), “sẵn sàng dành thời gian để giáo dục con ngoài thời gian học ở trường (6,20/7,00 điểm). Tuy nhiên, việc “sẵn sàng dành tiền bạc để chi tiêu cho việc học thêm của trẻ” có mức độ đồng ý thấp hơn (5,81/7,00 điểm).

3.2.2. Ước lượng mô hình đánh giá yếu tố tác động đến ý định chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam

3.2.2.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Kết quả phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha của các thang đo cho biết các thang đo đang sử dụng đủ độ tin cậy để thực hiện các bước phân tích tiếp theo (hệ số Cronbach's Alpha tổng thể có giá trị lớn hơn 0.6 và hệ số tương quan biến – tổng của từng biến quan sát trong mỗi thang đo đều có giá trị lớn hơn 0.3).

3.2.2.2.. Phân tích nhân tố khám phá

Sau khi tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA, có 17 trong tổng số 19 biến quan sát tạo thành 4 nhóm nhân tố theo mô hình lý thuyết, đảm bảo thỏa mãn các điều kiện. Đó là nhân tố “*thái độ về chi tiêu cho GDMN*”, “*chuẩn mực chủ quan về chi tiêu cho GDMN*”, “*nhận thức kiểm soát hành vi về chi tiêu cho GDMN*”, “*kỳ vọng vào trẻ*”. Biến phụ thuộc (biến kết quả) là “*ý định chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non*” (viết tắt là YĐ).

3.2.2.3. Phương trình hồi quy tuyến tính đa biến

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính cho thấy cả 4 biến độc lập đưa vào mô hình (gồm có TĐ, CM, KS, KV) đều có ý nghĩa thống kê (sig nhỏ hơn 0,05), không vi phạm giả định về đa cộng tuyến (hệ số phóng đại phương sai – VIF nhỏ hơn 2). Các yếu tố đưa vào trong mô hình giải thích được 52,4% sự thay đổi của biến phụ thuộc (R^2 điều chỉnh = 0,524), có ý nghĩa thống kê ở mức 5% (sig nhỏ hơn 0.05).

Phương trình hồi quy chưa chuẩn hóa như sau:

$$YĐ = 0,646 + 0,154 * TĐ + 0,321 * CM + 0,144 * KS + 0,281 * KV + \varepsilon \quad (3.1.1)$$

Phương trình hồi quy chuẩn hóa như sau:

$$YĐ = 0,193 * TĐ + 0,286 * CM + 0,182 * KS + 0,285 * KV + \varepsilon \quad (3.1.2)$$

3.2.3. Mức độ tác động của các yếu tố đến ý định chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam từ kết quả ước lượng mô hình

Xét về mức độ tác động của các yếu tố, các kết luận được rút ra từ phương trình (3.1.2) như sau:

Yếu tố “*Chuẩn mực chủ quan*” (CM) có tác động mạnh nhất đến “*Ý định chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non của hộ gia đình*” (YĐ) (hệ số beta chuẩn hoá 0,286).

Yếu tố “*Kỳ vọng*” (KV) có tác động mạnh thứ hai đến “*Ý định chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non của hộ gia đình*” (YĐ) (hệ số beta chuẩn hoá là 0,285).

Yếu tố “*Thái độ DTGD*” (TĐ) có tác động mạnh thứ ba đến “*Ý định chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non của hộ gia đình*” (YĐ) (hệ số beta chuẩn hoá là 0,193)

Yếu tố “*Nhận thức kiểm soát hành vi*” (KS) có tác động mạnh thứ tư đến “*Ý định chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non của hộ gia đình*” (YĐ) (hệ số beta chuẩn hoá là 0,182).

3.3. Các yếu tố tác động đến hành vi chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam

3.3.1. Thực trạng các yếu tố tác động đến hành vi chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam

1) Khu vực sinh sống của hộ gia đình

Theo kết quả điều tra chọn mẫu, các HGD ở khu vực thành thị chi tiêu trung bình là 12,881 triệu đồng/năm (gần 1,3 triệu đồng/tháng) cho giáo dục trẻ mầm non (bao gồm cả việc học tập trong nhà trường và các hoạt động giáo dục ngoài nhà trường), trong khi đó, con số này ở các HGD vùng nông thôn là 8,263 triệu đồng/năm (tương đương khoảng 826 nghìn đồng/tháng).

Đối chiếu với kết quả tính toán được từ bộ dữ liệu VHLSS cho thấy, mức chi tiêu của HGD cho trẻ mầm non ở cả khu vực thành thị và nông thôn đều có xu hướng tăng dần.

2) Giới tính chủ hộ gia đình

Kết quả phân tích mẫu khảo sát cho thấy các HGD có chủ hộ là nữ chi tiêu trung bình 13,63 triệu đồng/trẻ/năm, cao hơn 1,25 lần so với các HGD có chủ hộ là nam giới (10,87 triệu đồng/trẻ/năm)

Tương tự, kết quả phân tích dữ liệu khảo sát mức sống dân cư qua các năm cũng cho thấy các chủ hộ gia đình là nữ có mức chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non cao hơn so với các gia đình có chủ hộ là nam, khoảng từ 1,2 đến 1,5 lần.

3) Trình độ học vấn của bố, mẹ trẻ mầm non

Kết quả khảo sát cho thấy các HGD mà bố của trẻ có trình độ sau đại học chi tiêu cho GDMN trung bình là 19,15 triệu đồng/trẻ/năm. Các số liệu này tương ứng ở các HGD mà người bố có trình độ đại học, cao đẳng, THCN, THPT, THCS lần lượt là 11,94; 6,77; 9,36; 8,95; 8,31 triệu đồng/trẻ/năm. Trong khi đó, đối với HGD mà người mẹ có trình độ sau đại học chi tiêu trung bình 25,83 triệu đồng/trẻ/năm, cao hơn so với các HGD mà người mẹ có trình độ đại học, cao đẳng, THCN, THPT, THCS tương ứng ở mức 11,22; 12,56; 8,77, 8,53 và 5,47 triệu đồng/trẻ/năm.

Dữ liệu tính toán được từ VHLSS cho thấy kết quả tương tự, nghĩa là chủ hộ có trình độ học vấn càng cao thì càng chi tiêu nhiều hơn cho việc học hành của trẻ trong độ tuổi mầm non. Không những thế, khoảng cách về chi tiêu cho giáo dục giữa các HGD có xu hướng ngày càng tăng theo thời gian.

4) Độ tuổi của bố, mẹ trẻ mầm non

Các hộ gia đình mà người bố có độ tuổi từ 35 đến 39 tuổi chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non nhiều nhất (13,04 triệu đồng/trẻ/năm), mức chi tiêu thấp nhất là những hộ gia đình có người bố dưới 25 tuổi. Trong khi đó, hộ gia đình mà người mẹ thuộc nhóm tuổi càng lớn thì mức chi tiêu giáo dục cho trẻ càng nhiều.

5) Thu nhập của hộ gia đình

Các hộ gia đình có mức thu nhập càng cao thì càng có điều kiện chi tiêu tài chính nhiều hơn cho việc học tập của con cái, bao gồm cả mức chi tiêu giáo dục trong nhà trường, ngoài nhà trường và tổng mức chi tiêu nói chung.

Đối chiếu với kết quả phân tích từ dữ liệu VHLSS, năm 2020, xét trên phạm vi cả nước, những HGD thuộc nhóm thu nhập cao nhất – nhóm giàu (nhóm 5) chi tiêu GDMN nhiều gấp hơn 7 lần so với nhóm có thu nhập thấp nhất – nhóm nghèo (nhóm 1); gấp 3,2 lần so với nhóm cận nghèo (nhóm 2); gấp khoảng 2,7 lần so với nhóm trung bình (nhóm 3) và gấp 2,1 lần so với nhóm khá (nhóm 4). Xét trên phạm vi một số tỉnh phía Bắc, mức chi tiêu GDMN của các HGD nhóm 5 cao gấp 4 lần so với nhóm 2; gấp 3,4 lần so với nhóm 3 và gấp 2,8 lần so với nhóm 4.

6) Biến cố của hộ gia đình

Không có sự chênh lệch đáng kể giữa mức chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non giữa các hộ gia đình dù họ có gặp biến cố hay không.

7) Giới tính của trẻ mầm non

Kết quả tính toán được từ mẫu nghiên cứu cho thấy các HGD chi tiêu trung bình 11,12 triệu đồng/năm cho các bé trai và 11,79 triệu đồng/năm cho các bé gái trong độ tuổi mầm non.

Kết quả từ VHLSS cho thấy, mức chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non đề tăng qua các năm, từ 2.345.456 đồng/năm đến 3.849.692 đồng/năm đối với trẻ em nam và từ 2.342.416 đồng/năm đến 3.824.082 đồng/năm đối với trẻ em nữ trong giai đoạn 2016 – 2020. Xét về số tuyệt đối, không có sự chênh lệch đáng kể giữa mức chi tiêu giáo dục cho trẻ em nữ và trẻ em nam trong độ tuổi mầm non.

8) Độ tuổi của trẻ mầm non

Theo dữ liệu khảo sát 545 trẻ mầm non có độ tuổi từ 1 đến 6 tuổi cho thấy mức chi tiêu giáo dục trung bình cho trẻ 3 tuổi là 10,42 triệu đồng/trẻ/năm, cho trẻ 4 tuổi là 8,86 triệu đồng/trẻ/năm, cho trẻ 5 tuổi là 12,41 triệu đồng/trẻ/năm.

Kết quả tính toán từ bộ dữ liệu VHLSS 2020 cho thấy mức chi tiêu của các HGD có trẻ mầm non ở các độ tuổi khác nhau không có sự khác biệt quá nhiều, phổ biến ở mức 3,8 đến 4,2 triệu đồng/trẻ/năm. Tuy nhiên, nếu xét ở một số tỉnh phía Bắc, các hộ gia đình có xu hướng chi tiêu nhiều nhất cho trẻ 2 tuổi, tiếp đến là trẻ 5 tuổi và 6 tuổi.

3.3.2. Ước lượng mô hình đánh giá yếu tố tác động đến hành vi chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam

1) Ước lượng mô hình các yếu tố tác động đến chi tiêu cho giáo dục trong nhà trường

Phương trình hồi quy chưa chuẩn hóa như sau:

$$\ln(HV_{tt}) = -0,471 + 0,629*KhV + 0,425*HVM_{CD} + 0,817*HVM_{SDH} + 0,253*\ln(TN) + \varepsilon \quad (3.2.1)$$

Phương trình hồi quy chuẩn hóa như sau:

$$\ln(HV_{tt}) = 0,324*KhV + 0,075*HVM_{CD} + 0,243*HVM_{SDH} + 0,162*\ln(TN) + \varepsilon \quad (3.2.2)$$

Đây là một mô hình phù hợp (sig nhỏ hơn 0,05) nhưng chỉ giải thích được 24% sự thay đổi trong mức độ chi tiêu giáo dục trong nhà trường, phần còn lại được giải thích bởi các yếu tố khác

2) *Ước lượng mô hình các yếu tố tác động đến chi tiêu cho giáo dục ngoài nhà trường*

Phương trình hồi quy chưa chuẩn hóa như sau:

$$\text{Ln}(\text{HV}_{\text{nt}}) = -1,966 - 0,435 \cdot \text{GT}_{\text{ch}} + 0,477 \cdot \text{Ln}(\text{TN}) + 0,223 \cdot \text{ĐT}_t + \varepsilon \quad (3.2.3)$$

Phương trình hồi quy chuẩn hóa như sau:

$$\text{Ln}(\text{HV}_{\text{nt}}) = -0,152 \cdot \text{GT}_{\text{ch}} + 0,225 \cdot \text{Ln}(\text{TN}) + 0,171 \cdot \text{ĐT}_t + \varepsilon \quad (3.2.4)$$

Đây là một mô hình phù hợp (sig nhỏ hơn 0,05) nhưng chỉ giải thích được 9,3% sự thay đổi trong mức độ chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non ngoài nhà trường

3) *Ước lượng mô hình các yếu tố tác động đến tổng chi tiêu cho giáo dục*

Phương trình hồi quy chưa chuẩn hóa như sau:

$$\text{Ln}(\text{HV}_{\text{th}}) = -0,545 + 0,688 \cdot \text{KhV} + 0,707 \cdot \text{HVM}_{\text{SDH}} + 0,280 \cdot \text{Ln}(\text{TN}) + 0,111 \cdot \text{ĐT}_t + \varepsilon \quad (3.2.5)$$

Phương trình hồi quy chuẩn hóa như sau:

$$\text{Ln}(\text{HV}_{\text{th}}) = 0,303 \cdot \text{KhV} + 0,192 \cdot \text{HVM}_{\text{SDH}} + 0,156 \cdot \text{Ln}(\text{TN}) + 0,104 \cdot \text{ĐT}_t + \varepsilon \quad (3.2.6)$$

Đây là một mô hình phù hợp (sig nhỏ hơn 0,05) và giải thích được 19,4% sự thay đổi trong tổng mức chi tiêu giáo dục của hộ gia đình cho trẻ mầm non

Phân tích dữ liệu khảo sát mức sống dân cư VHLSS 2020 cũng cho kết quả tương tự.

Phương trình hồi quy như sau:

$$\text{Ln}(\text{HV}_{\text{th}}) = -0,959 + 0,650 \cdot \text{KhV} + 0,881 \cdot \text{HVCH}_{\text{ĐH}} + 0,711 \cdot \text{Ln}(\text{TN}) + \varepsilon \quad (3.2.7)$$

(Trong đó, $\text{HVCH}_{\text{ĐH}}$ là trình độ học vấn của chủ hộ có trình độ đại học)

Mô hình giải thích được 40% sự thay đổi của tổng mức chi tiêu trung bình của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non.

3.3.3. *Mức độ tác động của các yếu tố đến mức độ chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam từ kết quả ước lượng mô hình*

Bảng 1. Kết luận về các yếu tố tác động đến hành vi chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam

Yếu tố	Kết luận về các yếu tố tác động đến hành vi chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non (với độ tin cậy 95%)
Khu vực sinh sống	- Có tác động đến chi tiêu giáo dục trong nhà trường và tổng mức chi tiêu giáo dục
Giới tính chủ hộ	- Không có tác động đến ĐTGD trong nhà trường và tổng mức chi tiêu giáo dục - Có tác động đến ĐTGD ngoài nhà trường

Yếu tố	Kết luận về các yếu tố tác động đến hành vi chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non (với độ tin cậy 95%)
Trình độ học vấn của bố	- Không có tác động tổng hợp theo mô hình ước lượng - Có sự khác biệt nếu xét riêng yếu tố
Trình độ học vấn của mẹ	- Có tác động thuận chiều đến hành vi chỉ tiêu giáo dục trong nhà trường, ngoài nhà trường và tổng mức chi tiêu
Độ tuổi của bố	- Không có tác động tổng hợp theo mô hình ước lượng - Nếu xét riêng yếu tố, có mối tương quan thuận chiều nhưng mức độ không đáng kể
Độ tuổi của mẹ	- Không có tác động tổng hợp theo mô hình ước lượng - Nếu xét riêng yếu tố, có mối tương quan thuận chiều nhưng mức độ không đáng kể
Thu nhập của hộ gia đình	- Có tác động thuận chiều đến hành vi chỉ tiêu giáo dục trong nhà trường, ngoài nhà trường và tổng mức chi tiêu
Biến cố của hộ gia đình	- Không có tác động tổng hợp theo mô hình ước lượng - Không có sự khác biệt nếu xét riêng yếu tố
Giới tính của trẻ	- Không có tác động tổng hợp theo mô hình ước lượng - Không có sự khác biệt nếu xét riêng yếu tố
Độ tuổi của trẻ	- Không có tác động đến ĐTGD trong nhà trường - Có tác động đến ĐTGD ngoài nhà trường và tổng mức ĐTGD

(Nguồn: tổng hợp từ kết quả nghiên cứu của tác giả)

3.4. Một số nhận xét rút ra từ đánh giá các yếu tố tác động đến chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam

3.4.1. Kết quả nghiên cứu phát hiện được

- 1) Ý định chi tiêu có mối quan hệ thuận chiều với hành vi chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non
- 2) Chi tiêu giáo dục cho trẻ trong độ tuổi mầm non luôn là vấn đề được các hộ gia đình quan tâm.
- 3) Chi tiêu cho trẻ không phải là gánh nặng tài chính đối với hộ gia đình
- 4) Trình độ học vấn của bố mẹ có vai trò tích cực đối với chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non của các hộ gia đình
- 5) Sự khác biệt về khu vực sinh sống cũng dẫn đến sự khác biệt trong chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non
- 6) Không có sự bất bình đẳng giới về cơ hội tiếp cận giáo dục đối với trẻ trong độ tuổi mầm non
- 7) Các hộ gia đình tăng mức chi tiêu giáo dục theo độ tuổi của trẻ

3.4.2. Các thách thức đặt ra

- 1) Hoàn thiện cơ chế chính sách để phát triển giáo dục mầm non

- 2) *Nâng cao nhận thức của hộ gia đình và cộng đồng về tầm quan trọng của chỉ tiêu giáo dục cho trẻ mầm non*
- 3) *Tìm kiếm thông tin và lựa chọn các chương trình giáo dục mầm non phù hợp*
- 4) *Trình độ học vấn của bố mẹ trẻ mầm non cần được tiếp tục cải thiện*
- 5) *Cải thiện thu nhập của hộ gia đình để đảm bảo mức chi tiêu cần thiết cho giáo dục trẻ mầm non*

CHƯƠNG 4: GIẢI PHÁP HƯỚNG ĐẾN CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG NHẪM TĂNG CHỈ TIÊU CỦA HỘ GIA ĐÌNH CHO GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON TẠI VIỆT NAM

4.1. Bối cảnh và xu thế chỉ tiêu cho giáo dục trẻ mầm non

4.1.1. Bối cảnh quốc tế

Trong bối cảnh ngày nay, các chương trình phát triển trẻ em nói chung và giáo dục cho trẻ em nói riêng đang là một vấn đề được quan tâm ở hầu hết các quốc gia, đã được đề cập đến trong nhiều công ước và cam kết quốc tế về quyền trẻ em. Các quốc gia đang dần nhận thức được tầm quan trọng của GDMN và tăng chỉ tiêu cho lĩnh vực này. Tuy nhiên, mức độ tăng chỉ tiêu chưa đồng đều giữa các quốc gia mà vẫn có những quốc gia đang phải đối mặt với các thách thức về tài chính khi muốn nâng cao chất lượng GDMN. Bên cạnh nguồn chi tiêu công, mức chi tiêu của HGD cho GDMN cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao tỷ lệ trẻ đến trường và đảm bảo chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, mức chi tiêu của HGD cho GDMN cũng khác nhau tùy thuộc vào quốc gia. Trong những năm vừa qua, đại dịch Covid-19 đã gây ra những ảnh hưởng rất lớn đến mức chi tiêu cho GDMN của các gia đình trên toàn cầu, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Điều này đòi hỏi sự hỗ trợ và phản ứng linh hoạt của các chính phủ và các tổ chức quốc tế để đảm bảo rằng trẻ em vẫn có quyền được tiếp cận GDMN tốt nhất có thể.

4.1.2. Bối cảnh Việt Nam

Bối cảnh về chỉ tiêu cho giáo dục mầm non tại Việt Nam có những đặc điểm nổi bật như sau:

Một là, giáo dục và đào tạo là có một vai trò quan trọng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia; là ưu tiên chỉ tiêu của Đảng, Nhà nước và của toàn dân.

Hai là, nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong chỉ tiêu giáo dục. Tuy nhiên, nhà nước khuyến khích các nguồn chi tiêu khác cho giáo dục bằng cách tạo ra một môi trường pháp lý thuận lợi, có ưu đãi.

Ba là, Nhà nước ban hành nhiều chính sách ưu tiên cho các xã, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng dân tộc thiểu số nhằm đảm bảo công bằng trong tiếp cận cơ hội giáo dục của trẻ em, đặc biệt là nhóm trẻ em yếu thế hơn trong xã hội.

Bốn là, việc đóng góp của hộ gia đình vào chi tiêu giáo dục cho trẻ được căn cứ vào điều kiện kinh tế của gia đình, vùng, địa phương. Đối với các trường mầm non công lập, các quy định về mức thu học phí do hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.

4.2. Quan điểm, định hướng đối với chi tiêu giáo dục cho trẻ trong độ tuổi mầm non trong giai đoạn tới

4.2.1. Quan điểm

Chi tiêu cho giáo dục mầm non là một khoản chi tiêu sẽ mang lại những lợi ích lâu dài cho trẻ.

Chi tiêu cho giáo dục mầm non là trách nhiệm của nhà nước, gia đình và xã hội.

Đảm bảo sự công bằng trong tiếp cận cơ hội giáo dục mầm non cơ bản non giữa các vùng, các địa phương và các hoàn cảnh gia đình khác nhau; giữa trẻ em trai và trẻ em gái nhằm tạo mọi điều kiện cho trẻ em được đi học đầy đủ.

Chi tiêu giáo dục mầm non chịu sự ràng buộc về tài chính của các chủ thể chi tiêu (Nhà nước, gia đình) nên việc phân bổ ngân sách cần đúng trọng tâm, đúng thời điểm nhằm tránh lãng phí và phát huy được hiệu quả cao nhất.

Chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non của các hộ gia đình chịu tác động của nhiều yếu tố. Do vậy, để nâng cao hiệu quả chi tiêu cho giáo dục mầm non, các giải pháp đưa ra cần tập trung vào các yếu tố tác động đó.

4.2.2. Định hướng

Các giải pháp được đề xuất phải dựa vào những quy định của pháp luật, tuân thủ pháp luật hiện hành của Nhà nước và của ngành giáo dục trên cơ sở kế thừa và phát triển cho phù hợp với bối cảnh và tình hình thực tế.

Các giải pháp được đề xuất dựa trên các kết luận đúc rút được trong quá trình nghiên cứu, các kinh nghiệm thực tế đã được kiểm nghiệm tính hiệu quả nhằm đảm bảo tính khoa học, chính xác và khách quan.

Các giải pháp được đề xuất phải phù hợp với bối cảnh của Việt Nam và thế giới liên quan đến chi tiêu giáo dục nói chung và chi tiêu giáo dục mầm non nói riêng; phù hợp với thực trạng các yếu tố tác động đến chi tiêu giáo dục của các hộ gia đình.

Các giải pháp được đề xuất phải đảm bảo tính đồng bộ, không mâu thuẫn, không riêng rẽ mà phải hỗ trợ lẫn nhau trong việc điều chỉnh các yếu tố tác động nhằm khuyến khích tăng chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non.

Các giải pháp được đề xuất phải có khả năng thực hiện được và áp dụng được vào thực tiễn tại Việt Nam nhằm mang lại những hiệu quả thiết thực

4.3. Giải pháp hướng đến các yếu tố tác động nhằm tăng chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam

4.3.1. Giải pháp hướng đến hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển giáo dục mầm non

1) Hoàn thiện quy hoạch tổng thể về phát triển các cơ sở giáo dục mầm non

2) *Xây dựng cơ chế, chính sách để phân bổ nguồn lực tài chính công bằng và hợp lý cho giáo dục mầm non*

3) *Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm đa dạng hoá các loại hình cơ sở giáo dục mầm non*

4) *Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thu hút và nâng cao chất lượng giáo viên mầm non*

5) *Xây dựng cơ chế chính sách nhằm kiểm soát chất lượng của các cơ sở giáo dục mầm non*

4.3.2. Giải pháp hướng đến nâng cao nhận thức của hộ gia đình và cộng đồng về chỉ tiêu giáo dục cho trẻ mầm non

1) Về phía nhà nước

Nhà nước cần tổ chức phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể, địa phương tuyên truyền, phổ biến về tầm quan trọng của giáo dục nói chung và GDMN đến các HGD và cộng đồng.

Nhà nước và địa phương cần tổ chức các chương trình, hội nghị, hội thảo, khóa học cho các bậc phụ huynh và cộng đồng nâng cao hiểu biết về quyền được giáo dục của trẻ em, về giai đoạn phát triển tâm sinh lý của trẻ mầm non, về trách nhiệm của gia đình và xã hội trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

Nhà nước và địa phương cần đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, tăng khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân trong đó có pháp luật về giáo dục, về quyền trẻ em, về bình đẳng giới... để người dân hiểu biết rõ về vai trò của giáo dục, quyền được giáo dục của con em họ, theo đó nâng cao nhận thức cho người dân để thay đổi hành vi về chỉ tiêu cho giáo dục, nhất là chỉ tiêu cho GDMN.

Ở những vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng sâu, xa, Nhà nước cần chỉ đạo các địa phương triển khai các chính sách, hoạt động hỗ trợ dạy tiếng dân tộc thiểu số, văn hóa dân tộc cho các giáo viên mầm non, bộ đội biên phòng, cán bộ địa phương, tình nguyện viên để họ có thể am hiểu về ngôn ngữ, phong tục, tập quán của đồng bào nhằm nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về giáo dục, vận động trẻ đến trường, tạo một cầu nối vững chắc giữa gia đình và nhà trường.

2) Về phía cơ sở giáo dục mầm non

Cơ sở GDMN tổ chức hoạt động mời cha mẹ trẻ tham gia cùng con trong một số hoạt động do nhà trường tổ chức. Qua các hoạt động này, cha mẹ sẽ thấy được lợi ích của việc đưa trẻ đến trường và chỉ tiêu cho GDMN.

Thông qua giờ đón, trả trẻ, hoặc các cuộc họp cha mẹ học sinh, nhà trường tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ phương pháp nuôi dạy con theo khoa học, quan tâm chỉ tiêu cho trẻ để trẻ phát triển đúng yêu cầu; cung cấp cho gia đình trẻ thông tin về sự tiến bộ, phát triển của con em họ nếu được chỉ tiêu đúng hướng, đúng cách.

Bên cạnh các nội dung bồi dưỡng về chính trị, đạo đức phẩm chất nghề nghiệp, năng lực sư phạm, cơ sở GDMN cần quan tâm bồi dưỡng cho giáo viên, nhân viên về vận động cộng đồng, phương pháp truyền thông, làm việc với gia đình học sinh để tuyên truyền, nâng cao hiệu quả sự phối hợp gia đình- nhà trường, huy động sự chỉ tiêu của gia đình cho GDMN.

3) Về phía hộ gia đình

Các phụ huynh, người giám hộ trẻ mầm non cần chủ động, tích cực tham gia các chương trình, hội thảo về GDMN được tổ chức tại địa phương và nhà trường

Các HGD cần tìm hiểu kỹ thông tin về cơ sở GDMN trước khi cho con theo học để đảm bảo rằng trẻ được hưởng một chương trình giáo dục phù hợp và tương xứng so với mức chi tiêu của gia đình.

4.3.3. Giải pháp hướng đến tăng cường mức độ sẵn có của thông tin và các chương trình giáo dục mầm non

Cơ sở GDMN cần xây dựng và vận hành các trang thông tin điện tử chính thức (trang web, mạng xã hội, ứng dụng di động) để cung cấp thông tin chi tiết, giải đáp các thắc mắc, phản hồi về chương trình giáo dục và nhà trường.

Các cơ sở GDMN có thể tổ chức buổi họp trực tiếp với cha mẹ để giới thiệu thông tin về chương trình giáo dục và giải đáp các câu hỏi của họ. Nhà trường cũng có thể cung cấp tài liệu hướng dẫn, giấy phép hoạt động, chứng chỉ và chứng nhận có liên quan để khẳng định uy tín và chất lượng.

Ngoài các kênh truyền thông trực tuyến, các cơ sở GDMN có thể cung cấp thông tin qua các phương tiện truyền thống như bản in, truyền hình, đài phát thanh, các hội/đoàn thể địa phương.

Cơ sở GDMN cần đảm bảo tính công khai, minh bạch trong việc xây dựng kế hoạch huy động và sử dụng nguồn vốn đóng góp từ các tổ chức, cá nhân và phụ huynh học sinh.

Đa dạng hoá các chương trình và các dịch vụ GDMN phù hợp với nhu cầu và điều kiện của các hộ gia đình.

4.3.4. Giải pháp hướng đến cải thiện trình độ học vấn của các phụ huynh trong gia đình có trẻ mầm non

1) Về phía nhà nước, các cơ sở giáo dục

Tham mưu, mở rộng mạng lưới trường học và trung tâm giáo dục thường xuyên, đặc biệt ở các vùng khó khăn, để tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho các HGD.

Cung cấp tư vấn và hướng dẫn về các vấn đề liên quan đến giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp; các chương trình tư vấn hướng nghiệp để giúp các HGD có thể nhìn thấy tiềm năng và cơ hội để cải thiện việc làm, thu nhập và chất lượng cuộc sống sau khi hoàn thành các khoá học.

Xây dựng và phát triển các chương trình học tập linh hoạt và đa dạng như học tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm dạy nghề, hoặc học từ xa

thông qua các nền tảng trực tuyến để các bậc phụ huynh có thể linh hoạt tham gia các khoá học, giảm bớt khó khăn về địa lý và giao thông.

Thiết kế các chương trình và thời gian học tập linh hoạt (có thể tổ chức các lớp học buổi tối hoặc cuối tuần) để các phụ huynh có thể chọn các khung giờ học phù hợp với công việc và gia đình.

Xây dựng và ban hành những chính sách miễn giảm học phí hoặc vay vốn học tập với lãi suất thấp để giảm bớt áp lực tài chính để khuyến khích các bậc phụ huynh có thể tiếp tục học tập.

2) Về phía cộng đồng và các tổ chức xã hội

Tổ chức các khoá học, các buổi tư vấn và các hoạt động tuyên truyền giáo dục trong cộng đồng để khuyến khích, vận động những người trẻ tham gia vào quá trình học tập.

Phối hợp với các tổ chức xã hội để có thể cung cấp những hỗ trợ trong việc chăm sóc trẻ, tư vấn tâm lý cho phụ nữ để học có thể giảm bớt áp lực gia đình và sắp xếp được thời gian tham gia học tập.

Xây dựng các mạng lưới học tập cộng đồng với sự tham gia của những người có trình độ học vấn cao để chia sẻ những kiến thức, kinh nghiệm và truyền động lực cho những người khác trong việc nâng cao trình độ học vấn.

3) Về phía hộ gia đình

Xác định mục tiêu nâng cao trình độ học vấn, tìm hiểu về những chương trình và khoá học phù hợp, sắp xếp thời gian và chuẩn bị nguồn lực theo lộ trình học tập đã xác định.

Tìm kiếm các nguồn tài liệu, tài nguyên học tập miễn phí hoặc có phí để tự học, bao gồm sách, bài giảng trực tuyến, video tự học, ứng dụng di động, các khoá học trực tuyến. Việc tự học sẽ giúp các HGD có cơ hội học tập suốt đời để nâng cao trình độ học vấn.

Chủ động tham gia vào các câu lạc bộ, cuộc hội thảo... để chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm học tập, từ đó có thể giao lưu học hỏi lẫn nhau nhằm nâng cao trình độ học vấn của mình.

4.3.5. Giải pháp hướng đến cải thiện thu nhập của hộ gia đình để đảm bảo mức chi tiêu cần thiết cho giáo dục trẻ mầm non

1) Đối với Nhà nước, địa phương

Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, UBND các cấp tổ chức các dự án, lớp dạy nghề cho những người trong độ tuổi lao động nhưng đang thất nghiệp hoặc thiếu việc làm.

UBND các cấp tổ chức thu thập thông tin về các HGD trên địa bàn, nắm chắc các HGD có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo để phối hợp với ngành Lao động Thương Binh xã hội sử dụng hợp lý ngân sách từ chương trình xóa đói giảm nghèo, cùng với Ngân hàng chính sách ở các địa phương hướng dẫn họ làm thủ tục vay vốn, tổ chức sản xuất để nâng cao mức thu nhập.

Tăng cường sự hỗ trợ từ phía cấp ủy, chính quyền, các ngành chức năng, các tổ chức, doanh nghiệp trong vấn đề huy động vốn, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, hình thành các mô hình kinh tế tập thể trong các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và lợi thế của địa phương nhằm giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động, qua đó góp phần nâng cao thu nhập của các HGD, hướng tới phát triển kinh tế bền vững trong cộng đồng.

Nhà nước trợ cấp bằng tiền, hiện vật hoặc hỗ trợ về nhà ở cho các HGD có con nhỏ thuộc diện hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn giảm bớt chi phí trong cuộc sống hàng ngày của họ (chi phí ăn, ở...) qua đó tăng thu nhập khả dụng để có thể chi tiêu cho giáo dục của con cái.

Nhà nước và địa phương ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức sử dụng lao động tạo điều kiện về việc làm và đảm bảo thu nhập cho các lao động có con nhỏ thông qua các chính sách như nghỉ phép có lương, trợ cấp, hỗ trợ nhà ở hoặc hỗ trợ chi phí chăm sóc và giáo dục cho trẻ.

2) Đối với hộ gia đình

Đối với các gia đình hộ nghèo, thu nhập thấp, cần tìm hiểu và thông qua Chính quyền, Mặt trận tổ quốc, hội phụ nữ ở địa phương tiếp cận với các dự án, chương trình hỗ trợ vay vốn để tổ chức sản xuất; sẵn sàng đăng ký tham gia các lớp học nghề được địa phương tổ chức; thực hiện liên kết trong sản xuất, làm dịch vụ, tham gia các hợp tác xã để sản xuất và có đầu ra cho sản phẩm...từ đó góp phần nâng cao thu nhập cho HGD. Các thành viên trong HGD cần tích cực học tập suốt đời để nâng cao trình độ của bản thân để có thể lao động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ...tạo ra được mức thu nhập ngày càng cao hơn.

Bên cạnh đó, các HGD cần dựa trên nguồn thu nhập của mình để lên kế hoạch quản lý tài chính hợp lý và quyết định mức chi tiêu cho giáo dục của con cái mình sao cho đảm bảo tính hiệu quả và bền vững (ngay cả khi có sự biến động về thu nhập).

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Chi tiêu giáo dục cho trẻ em, đặc biệt là trẻ ở lứa tuổi mầm non là một trong những chiến lược tốt nhất để giảm nghèo đói, phát triển kinh tế bền vững và tạo ra nhiều cơ hội tốt đẹp trong tương lai. Bên cạnh vai trò chủ đạo của Nhà nước trong việc chi tiêu tài chính cho các chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non, các HGD cũng đóng một vai trò quan trọng góp phần chia sẻ những chi phí giáo dục cho trẻ. Mặc dù hầu hết các HGD tại Việt Nam đều mong muốn con cái được đi học đầy đủ, được thụ hưởng các chương trình chăm sóc và giáo dục chất lượng cao nhưng việc chi tiêu giáo dục của các HGD vẫn bị tác động bởi nhiều yếu tố.

Về lý luận, luận án đã hệ thống hoá được những lý luận cơ bản về chi tiêu giáo dục và các yếu tố tác động đến chi tiêu của HGD cho giáo dục trẻ mầm non; đã đưa ra cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, mô hình nghiên cứu phù hợp để nhận diện và đánh giá các yếu tố tác động đến chi tiêu giáo dục của HGD. Theo đó luận án đã xác định các yếu tố tác động đến chi tiêu cho giáo dục trẻ mầm non của các HGD gồm: 4 yếu tố tác động đến “ý định chi tiêu của HGD cho GDMN” (bao gồm: thái độ về chi tiêu cho GDMN, chuẩn mực chủ quan về chi tiêu cho GDMN, nhận thức kiểm soát hành vi về chi tiêu cho GDMN, kỳ vọng vào trẻ) và 10 yếu tố tác động đến “hành vi chi tiêu giáo dục (khu vực sinh sống, giới tính chủ hộ, trình độ học vấn của bố, trình độ học vấn của mẹ, độ tuổi của bố, độ tuổi của mẹ, thu nhập của HGD, biến cố của HGD, giới tính của trẻ và độ tuổi của trẻ)

Thông qua tìm hiểu kinh nghiệm của một số nước trên thế giới như Singapore, Philippines, Australlia cho thấy các bài học như: i) Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của đầu tư cho giáo dục nói chung và cho giáo dục trẻ mầm non nói riêng đối với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia, mang lại lợi ích kinh tế và phi kinh tế đối với bản thân người học và gia đình của họ; ii) Cung cấp các chương trình, dự án nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thái độ của các bậc cha mẹ trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non với nhiều hình thức đa dạng để có thể tiếp cận được đến nhiều HGD; iii) Huy động sự tham gia của nhiều chủ thể vào việc cung cấp các chương trình, dịch vụ giáo dục cho trẻ mầm non như các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các tổ chức phi lợi nhuận; iv) Đa dạng hoá các chương trình chăm sóc trẻ em để khuyến khích sự phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ có con nhỏ tham gia vào thị trường lao động để tăng thu nhập cho gia đình; v) Nhà nước có vai trò kiểm soát, đánh giá các trường mầm non và cung cấp thông tin tới các bậc phụ huynh để họ có thể lựa chọn cho con cái mình một ngôi trường phù hợp; vi) Cung cấp một số ưu đãi về thuế, phụ cấp, trợ cấp cho các gia đình có con nhỏ, đặc biệt là ở các gia đình có thu nhập trung bình và thấp để giúp họ có thêm chi phí để chăm sóc và giáo dục con cái. Từ đó, luận án có cơ sở để đề xuất giải pháp để khuyến khích các HGD tăng cường nguồn lực chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non tại Việt Nam.

Về thực trạng, luận án đã làm rõ và trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu: (i) Thực trạng các yếu tố tác động đến chi tiêu của HGD cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam; (ii) Phát hiện ra các yếu tố tác động đến “Ý định chi tiêu của HGD cho GDMN” là “thái độ về chi tiêu cho GDMN”, “chuẩn mực chủ quan về chi tiêu cho GDMN”, “nhận thức kiểm soát hành vi về chi tiêu cho GDMN” và “kỳ vọng vào trẻ”. Trong đó, yếu tố “nhận thức kiểm soát hành vi về chi tiêu cho GDMN” có tác động mạnh nhất tới “Ý định chi tiêu của HGD cho GDMN”; (iii) Nhận thấy yếu tố “thu nhập của hộ gia đình” có tác động đến hành vi chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non ở cả 3 khía cạnh là chi tiêu giáo dục trong nhà trường, chi tiêu giáo dục ngoài nhà trường và tổng mức chi tiêu giáo dục. Bên cạnh đó, yếu tố “trình độ học vấn của mẹ”, “khu vực sinh sống”, “độ tuổi của trẻ”, “giới

tính chủ hộ” cũng có tác động đến mức chi tiêu của HGD cho giáo dục ở các phạm vi cụ thể; iv) “Ý định chi tiêu của HGD cho GDMN” càng mạnh mẽ thì hành vi chi tiêu của HGD cho GDMN càng nhiều.

Về giải pháp, luận án đã đề xuất 05 nhóm giải pháp hướng đến các yếu tố tác động nhằm tăng chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục trẻ mầm non tại Việt Nam. Đó là: i) Giải pháp hướng đến hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển GDMN; ii) Giải pháp hướng đến nâng cao nhận thức của HGD và cộng đồng về chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non; iii) Giải pháp hướng đến tăng cường mức độ sẵn có của thông tin và các chương trình GDMN; iv) Giải pháp hướng đến cải thiện trình độ học vấn của phụ huynh trong gia đình có trẻ mầm non; v) Giải pháp hướng đến cải thiện thu nhập của hộ gia đình để đảm bảo mức chi tiêu cần thiết cho giáo dục trẻ mầm non. Các nhóm giải pháp cần được thực hiện đồng bộ, có sự phối hợp của các chủ thể có liên quan.

2. Một số hạn chế của luận án

Mặc dù các câu hỏi nghiên cứu nêu trong phần đầu của luận án về cơ bản đã được giải quyết nhưng việc khảo sát dữ liệu về thu nhập và chi tiêu của các HGD là một vấn đề nhạy cảm và không hề dễ dàng khi người trả lời khó có thể nhớ chính xác những khoản chi tiêu trong suốt một năm. Chính vì vậy, các yếu tố được đưa vào mô hình nghiên cứu về hành vi chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non của HGD chỉ có thể giải thích được khoảng 20% sự thay đổi của mức độ chi tiêu giáo dục.

Bên cạnh đó, các HGD được chọn trong mẫu nghiên cứu của luận án mới tập trung ở một vài tỉnh, thành phố ở phía Bắc, Việt Nam. Nghiên cứu chưa có điều kiện tìm hiểu về các HGD ở các khu vực, địa phương khác nên có thể còn một số vấn đề chưa phát hiện ra.

Nếu có thể thu thập được dữ liệu đầy đủ hơn, quy mô mẫu lớn hơn thì luận án có khả năng tìm ra được nhiều luận điểm hơn.

3. Kiến nghị hướng nghiên cứu tiếp theo

Căn cứ trên những vấn đề đã đạt được và hạn chế trong luận án đã giúp mở ra những hướng nghiên cứu về sau như:

Nghiên cứu các yếu tố tác động đến chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non của các HGD ở phạm vi nghiên cứu rộng hơn như: quy mô mẫu nghiên cứu, địa bàn nghiên cứu, thời gian nghiên cứu

Đánh giá hiệu quả của các khoản chi tiêu giáo dục cho trẻ mầm non với những thành tích học tập, thu nhập, trình độ học vấn của trẻ trong tương lai.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thanh Thủy (2017), *Lợi ích của việc đầu tư giáo dục cho trẻ trong độ tuổi mầm non*, Tạp chí Quản lý giáo dục, số 4, tháng 4.
2. Nguyễn Thanh Thủy (2019), *Đầu tư của hộ gia đình cho việc học thêm của con cái – ý nghĩa đối với các nhà quản trị trường học*, Tạp chí Quản lý giáo dục, số 11A, tháng 11.
3. Nguyễn Thanh Thủy (2021), *Nghiên cứu trên thế giới về các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư của hộ gia đình cho giáo dục trẻ em*, Tạp chí Quản lý giáo dục, số 1, tháng 1.
4. Nguyễn Thanh Thủy (2021), *Đầu tư giáo dục cho trẻ trong độ tuổi mầm non của các hộ gia đình ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 4/515/4-2021.
5. Nguyễn Thanh Thủy (2022), *Các yếu tố tác động đến đầu tư giáo dục cho trẻ mầm non của hộ gia đình Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và dự báo, Số 21 tháng 07/2022 (811).